

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **185** /TCT- CS
V/v chính sách thuế.

Hà Nội, ngày **14** tháng **01** năm 2020.

Kính gửi: Cục Thuế thành phố Hà Nội.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 82290/CT-KK&KTT ngày 31/10/2019 của Cục Thuế TP. Hà Nội về hoàn thuế GTGT đối với Ban quản lý hợp phần dự án “Bảo tồn các khu đất ngập nước quan trọng và sinh cảnh liên kết” - dự án sử dụng nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại có một phần nguồn vốn trong nước. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Tại khoản 2, Điều 5 Thông tư số 181/2013/TT-BTC ngày 3/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách thuế và ưu đãi thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ quy định về Chính sách thuế đối với Chủ dự án:

“2. Thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ mua tại Việt Nam.

a) Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại được hoàn lại số thuế GTGT đã trả khi mua hàng hoá, dịch vụ tại Việt Nam nếu hợp đồng ký với nhà thầu chính được phê duyệt bao gồm thuế GTGT và Chủ dự án không được Ngân sách Nhà nước cấp vốn để trả thuế GTGT. Việc hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư này. Trường hợp dự án được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để trả thuế GTGT thì Chủ dự án không được hoàn thuế GTGT đầu vào đã trả đối với hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam không phân biệt hợp đồng ký với nhà thầu chính được phê duyệt bao gồm thuế GTGT hay không bao gồm thuế GTGT”.

Tại Điều 13 Thông tư số 181/2013/TT-BTC nêu trên quy định về hoàn thuế GTGT đối với dự án ODA viện trợ không hoàn lại có một phần nguồn vốn trong nước:

“Trường hợp dự án ODA viện trợ không hoàn lại có cơ cấu vốn một phần là nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại, một phần là vốn đối ứng từ Ngân sách nhà nước, vốn đóng góp của nhân dân (phần vốn này được quy định để thực hiện một phần công việc của dự án nhưng không được quy định để trả thuế GTGT) thì Chủ dự án hoặc nhà thầu chính được hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ được mua từ phần nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại để phục vụ dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 6 Thông tư này, không được hoàn thuế GTGT đối với phần hàng hóa dịch vụ mua bằng nguồn vốn đối ứng từ NSNN và vốn đóng góp của nhân dân. Chủ dự

án ODA viện trợ không hoàn lại, nhà thầu chính phải hạch toán riêng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ được mua từ nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại, nếu không hạch toán riêng được thì Chủ dự án không được hoàn thuế GTGT, nhà thầu chính sẽ được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này”.

Căn cứ các quy định trên, việc hoàn thuế GTGT đối với dự án ODA viện trợ không hoàn lại có một phần nguồn vốn trong nước được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 181/2013/TT-BTC nêu trên.

Đối với việc hoàn thuế GTGT trong trường hợp Chủ dự án thành lập Ban quản lý dự án hay Ban quản lý hợp phần dự án để thực hiện dự án, Tổng cục Thuế đã có công văn hướng dẫn số 2038/TCT-CS ngày 22/5/2019 (đính kèm).

Đề nghị Cục Thuế thành phố Hà Nội căn cứ hồ sơ thực tế để hướng dẫn đơn vị thực hiện theo quy định hiện hành.

Tổng cục Thuế trả lời để Cục Thuế thành phố Hà Nội biết và thực hiện. /*HN*

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTCT Nguyễn Thế Mạnh (để báo cáo);
- Vụ PC, Vụ KK (TCT);
- Website TCT;
- Lưu: VT, CS(2b). *8*

TL.TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Hoàng Thị Hà Giang

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2038** /TCT- CS
V/v chính sách thuế.

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2019.

Kính gửi: Cục Thuế thành phố Hà Nội.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 3157/CT-KTT6 ngày 21/1/2019 của Cục Thuế thành phố Hà Nội hỏi về việc hoàn thuế đối với trường hợp của Ban Quản lý dự án “Tăng cường năng lực thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu”. Dự án sử dụng nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại do Liên hiệp quốc tài trợ. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Tại Điều 4 Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội quy định về áp dụng Bộ luật dân sự:

“2. Luật khác có liên quan điều chỉnh quan hệ dân sự trong các lĩnh vực cụ thể không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật này.

3. Trường hợp luật khác có liên quan không quy định hoặc có quy định nhưng vi phạm khoản 2 Điều này thì quy định của Bộ luật này được áp dụng”.

Tại Điều 85 Bộ Luật dân sự nêu trên quy định về đại diện của pháp nhân:

“Đại diện của pháp nhân có thể là đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền. Người đại diện của pháp nhân phải tuân theo quy định về đại diện tại Chương IX Phần này”.

Tại khoản 1 Điều 137 Bộ Luật dân sự quy định về đại diện theo pháp luật của pháp nhân:

“1. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân bao gồm:

a) Người được pháp nhân chỉ định theo điều lệ;

b) Người có thẩm quyền đại diện theo quy định của pháp luật;

...”.

Tại khoản 1 Điều 138 Bộ Luật dân sự quy định về đại diện theo ủy quyền:

“1. Cá nhân, pháp nhân có thể ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác xác lập, thực hiện giao dịch dân sự”.

Tại Điều 43 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của

“1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý dự án do chủ dự án giao theo Quyết định thành lập Ban quản lý dự án.

Chủ dự án có thể ủy quyền cho Ban quản lý dự án quyết định hoặc ký kết văn bản thuộc thẩm quyền của mình trong quá trình quản lý thực hiện chương trình, dự án. Việc ủy quyền phải được quy định tại Quyết định thành lập Ban quản lý dự án hoặc tại văn bản ủy quyền cụ thể của chủ dự án.

...”.

Tại khoản 9 Điều 7 Luật quản lý thuế quy định về nghĩa vụ của người nộp thuế.

“9. Chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền thay mặt người nộp thuế thực hiện thủ tục về thuế sai quy định”.

Tại điểm 6a, Điều 18 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 3, Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính) quy định về hoàn thuế GTGT đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại hoặc viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo:

“a) Đối với dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại: chủ chương trình, dự án hoặc nhà thầu chính, tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định việc quản lý chương trình, dự án được hoàn lại số thuế GTGT đã trả đối với hàng hoá, dịch vụ mua ở Việt Nam để sử dụng cho chương trình, dự án”.

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Chủ dự án sử dụng nguồn vốn ODA không hoàn lại thành lập BQLDA để thực hiện dự án, nếu BQLDA đáp ứng các điều kiện đại diện cho Chủ dự án (có thể đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền) trong việc thực hiện các thủ tục về hoàn thuế GTGT thì BQLDA thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT đối với dự án sử dụng nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại theo quy định.

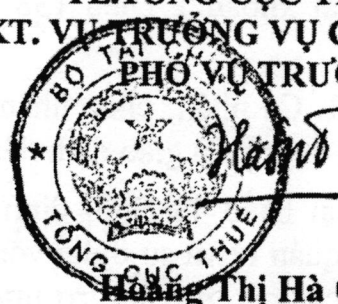
Đề nghị Cục Thuế thành phố Hà Nội căn cứ vào hồ sơ thực tế để hướng dẫn đơn vị thực hiện các thủ tục hoàn thuế theo đúng quy định hiện hành.

Tổng cục Thuế trả lời để Cục Thuế thành phố Hà Nội biết và thực hiện./.

Nơi nhận: *XL*

- Như trên;
- Phó TCTr Cao Anh Tuấn (để báo cáo);
- Vụ PC, Vụ KK (TCT);
- Website-TCT;
- Lưu: VT, CS(2b).

TL.TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. VI TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Hàng Thị Hà Giang